

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/HSST

Ngày: 19/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lò Văn Đoàn.**

2. Bà: **Mùa Thị Ly.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/11/2019, tại trụ sở UBND xã X, huyện M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 06/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn B**, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1991, tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản C, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Lò Văn T (đã chết); Họ và tên mẹ: Lò Thị B1; Sinh năm: 1966; Bị cáo có 03 anh, chị, em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Quàng Thị D, sinh năm: 1994 và có 01 người con sinh năm 2013; Tiền sự: Ngày 11/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Đến ngày 04/5/2018 chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc; Tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/3/2019 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lò Thị Khánh H – Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (có mặt)

Bị hại:

1. Họ và tên: Lò Thị X, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Bản L, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Họ và tên: Quàng Văn T1, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện M, Điện Biên (Có mặt).

Người phiên dịch cho chị Lò Thị X là anh Lò Văn H1.

Trú tại: Bản L, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Họ và tên: Lò Văn L, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Họ và tên: Hoàng Văn P, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản C1, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3. Họ và tên: Lò Văn K, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện Đ, Điện Biên (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Họ và tên: Lò Thị Y, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Họ và tên: Lò Thị H2, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3. Họ và tên: Lò Văn L1, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Bản P, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Lò Văn B được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/3/2019 tại khu vực cửa hàng tạp hóa nhà ông Lò Văn L, trú tại Bản P, xã X, huyện M, Lò Văn B đã sử dụng dao nhọn đe dọa nhằm uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt số tiền 453.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động, giá trị 50.000 đồng của bà Lò Thị X. Trước đó, B còn chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu Itel A32F giá trị 350.000 đồng của anh Quảng Văn T1. *(Tổng giá trị tài sản B chiếm đoạt là 853.000 đồng)*. Mục đích chiếm đoạt tiền, tài sản để mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khoảng 08 giờ ngày 23/3/2019, Lò Văn B đi bộ từ nhà ở của mình thuộc Bản C, xã X đến nhà Lò Thị X, trú tại Bản L, xã X, huyện M mục đích để xin tiền mua ma túy sử dụng *(B là cháu họ của bà X)*. Khi đến nhà bà X, chỉ có một mình cháu Quảng Hải N *(sinh ngày 30/9 /2013)*, trú tại Bản C, xã M, huyện M *(N là cháu ngoại của bà X)* đang ngồi chơi trò chơi trong điện thoại di động ở ngoài hiên nhà. Thấy chỉ có một mình cháu N ở nhà B liền nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động cháu N đang sử dụng để bán lấy tiền mua ma túy. B giả vờ mượn điện thoại của cháu N để gọi cho bà X, ngay sau khi cháu N đưa chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu Itel A32F, số IMEI 359183096127007, không có SIM, thẻ nhớ, giá trị 350.000 đồng *(Ba trăm năm mươi nghìn đồng)* cho B thì B liền đi vòng ra phía sau nhà bà X rồi đi bộ ra quán tạp hóa nhà ông Lò Văn L ở Bản P, xã X, để cầm cố chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được. Khoảng 08 giờ 30 phút B đến quán của

gia đình ông L lúc đó chỉ có Lò Thị Y là con dâu ông L đang bán quán. B chưa hỏi cầm điện thoại ngay mà xin Y cho ngồi hút thuốc Lào. Lúc này, bà Lò Thị X cùng với con rể Quảng Văn T1 (*anh T1 là bố đẻ của cháu N, chiếc điện thoại là thuộc sở hữu của anh T1 đưa cho cháu N chơi trò chơi điện tử*) sau khi được biết bị mất điện thoại đã đi xe máy đi tìm, do trước đó bà X đã nghi ngờ B chính là người đã lấy điện thoại của cháu N khi đến quán tạp hóa của ông L và gặp B đang ngồi hút thuốc Lào tại quán của gia đình ông L bà X liền hỏi B “*điện thoại đâu*”, B nói dối “*điện thoại đi cầm rồi*”, bà X yêu cầu B đi lấy về trả nhưng B không đi cứ ngồi hút thuốc Lào, sau nhiều lần bà X và anh T1 yêu cầu trả chiếc điện thoại, B nói “*điện thoại đây, cho cháu xin 50.000 đồng*”, bà X không đưa tiền mà tiếp tục yêu cầu B trả điện thoại nhưng B không trả. Lúc này anh T1 liền túm cổ áo B rồi cầm ống điều hút thuốc Lào đánh vào đầu B 02 đến 03 cái nhưng không gây thương tích. Bị đánh, B lùi vào phía trong nhà ông L khoảng 01 mét rồi rút từ trong túi quần đang mặc ra 01 chiếc bơm kim tiêm để chống lại T1. Lúc đó bà X túm áo B để can ngăn. Thấy anh T1 vẫn cầm điều cày, B liền cắt kim tiêm vào túi quần rồi chạy vào khu vực bếp của gia đình ông L lấy từ trên bếp ga 01 con dao nhọn, loại dao gọt hoa quả, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng, dài 20 cm, cán dao dài 9,4 cm, lưỡi dao dài 10,6 cm, lưỡi dao dày 1mm, phần rộng nhất của lưỡi dao là 2 cm rồi quay ra đuôi đánh T1, T1 bỏ chạy ra ngoài đường cách cửa quán khoảng 10 mét. Thấy T1 bị đuổi đánh, bà X đuổi theo đến trước mặt B đứng dang tay ra ngăn cản B đuổi đánh T1. Trong lúc giằng co với T1 bà X để lộ ra 01 chiếc ví đeo bằng vải của phụ nữ dân tộc Thái đang đeo ở ngang hông được che kín bởi chiếc áo chống nắng mà bà X đang mặc. Khi nhìn thấy chiếc ví của bà X, tay phải B tiếp tục cầm dao vung lên đe dọa T1 đồng thời B dùng tay trái giật lấy chiếc ví bà X đang đeo ở thắt lưng làm đứt dây đeo. Giật được ví B lùi lại cách bà X một đoạn khoảng 1,6 mét tay phải vẫn cầm dao, tay trái cầm chiếc ví vừa giật được của bà X. Thấy bị B giật mất ví, bà X vội nói “*ví của tao có tiền đấy, 1.000.000 đồng, vừa mua mấy bao xi măng thôi*”. Nghe bà X nói vậy, B dùng tay trái sờ nắn kiểm tra ví thấy kêu xột xoạt biết chắc chắn bên trong ví có tiền nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong ví để mua ma túy sử dụng. Ngay lập tức, B cầm dao dơ lên đe dọa nói “*ai vào đây tôi đâm*”, bà X và một số người dân xung quanh sợ bị B dùng dao đâm nên không ai dám vào can ngăn và giúp bà X lấy lại tài sản. Thấy không ai vào can ngăn, B cầm chiếc ví và con dao bỏ đi theo hướng đường đi bản P, xã X vừa đi B vừa dùng dao cắt đứt đoạn dây ví còn lại chỉ cầm theo chiếc ví. Đi đến đoạn đường cuối bản P, B mở chiếc ví của bà X ra thấy bên trong có 453.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng*), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Viettel loại bàn phím, màu đen, viền màu xanh, giá trị 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) và 01 chùm chìa khóa. B lấy hết tiền cất vào túi quần sau đang mặc, chiếc điện thoại di động và chùm chìa khóa B cất ở túi quần phía trước bên phải còn chiếc ví B cất giấu ở ven đường thuộc bản P, xã X. Sau đó, B đi nhờ xe máy của một người dân tộc Thái không quen biết để ra trung tâm xã B, huyện M. Đi đến cầu B, B xuống xe và lội qua suối sang bản X để tìm mua ma túy sử dụng, trong lúc lội qua suối B đã vớt con dao lấy được ở nhà ông L và chiếc bơm kim tiêm của B xuống suối

sau đó B đi vào bản X gặp và mua được 01 gói Heroine với giá 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) của một người đàn ông dân tộc Thái, không quen biết rồi B sử dụng hết. Sau đó B đi bộ vào Bản C1, xã C, huyện T và bán chiếc điện thoại di động cảm ứng lấy được của cháu N cho Hoàng Văn P, trú tại Bản C1, xã C, huyện T thu được 120.000 đồng (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*). Đến ngày 24/3/2019 B bán tiếp chiếc điện thoại di động bàn phím lấy được trong ví của bà X cho Lò Văn K, sinh năm 1988, trú tại Bản N, xã N, huyện Đ thu được 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*). Sau đó B đi vào bản X, xã B tìm và mua được 100.000 đồng Heroine của một người đàn ông dân tộc Thái không quen biết rồi sử dụng hết. Số tiền còn lại B đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại phiên tòa bị cáo B khai nhận phù hợp với hành vi phạm tội như nội dung trên, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng thu giữ gồm: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu IteL A32F, số IMEI 359183096127007, không có SIM, thẻ nhớ, đã cũ qua sử dụng; 01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa và 01 chiếc ví vải màu đen đã cũ qua sử dụng.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động (điện thoại của bà X) nhãn hiệu Viettel loại bàn phím, màu đen, viền màu xanh, đã cũ qua sử dụng. Lò Văn B khai đã bán cho Lò Văn K. Quá trình điều tra xác minh hiện K không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 con dao nhọn, loại dao gọt hoa quả, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu vàng, dài 20 cm, cán dao dài 9,4 cm, lưỡi dao dài 10,6 cm đã cũ qua sử dụng mà B đã lấy tại bếp của gia đình ông Lò Văn L. Quá trình điều tra B khai đã vứt xuống suối tại khu vực gần cầu B, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng hiện không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá số: 05/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2019:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu IteL A32F, số IMEI 359183096127007, không có SIM, thẻ nhớ, đã cũ qua sử dụng mua từ tháng 6/2018 có giá trị: 350.000đ;

- 01 chiếc điện thoại di động (điện thoại của bà X) nhãn hiệu Viettel loại bàn phím, màu đen, viền màu xanh, đã cũ qua sử dụng mua từ tháng 6/2018 có giá trị 50.000đ;

- 01 con dao nhọn, loại dao gọt hoa quả, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng nhựa màu vàng, dao mua và sử dụng từ tháng 10/2018 không còn giá trị sử dụng;

- 01 chiếc ví vải màu đen có kích thước 11 x 17cm, ví có hai ngăn, loại kéo khóa, mua và sử dụng từ tháng 8/2018 không còn giá trị sử dụng;

Tổng tài sản giá trị định giá là: 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra Lò Văn B đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, phù hợp các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại bà Lò Thị X đã được bị cáo bồi thường toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không đề nghị gì thêm về dân sự, về chiếc điện thoại nhãn hiệu Viettel loại bàn phím, màu đen, viền màu xanh mà bị cáo B đã cướp của bà đã cũ bà cho bị

cáo; chiếc ví đã cũ không còn giá trị sử dụng bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà X, anh T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lò Văn L không yêu cầu bị cáo bồi thường con dao.

Đối với Hoàng Văn P và Lò Văn K là những người đã mua điện thoại do bị cáo phạm tội mà có, qua xác minh thì anh P khi mua điện thoại không biết được tài sản do B phạm tội mà có. Vì vậy không đề cập vấn đề xử lý. Anh K qua xác minh nhiều lần nhưng không có mặt ở địa phương.

Đối với Quảng Văn T1, người đã có hành vi dùng ống điều hút thuốc Lào đánh 2 đến 3 cái vào đầu bị cáo Lò Văn B nhưng không gây thương tích, bị cáo không đề nghị giải quyết.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT – VKS ngày 30/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn B về tội “Cướp tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện Mường Ảng phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo B. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS: Xử phạt Lò Văn B từ 07 năm đến 08 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS: Chấp nhận việc trao trả tài sản giữ cơ quan điều tra và bị hại Lò Thị X, anh Quảng Văn T1. Thu tiêu hủy 01 chiếc ví vải màu đen của bà X không còn giá trị sử dụng. Truy thu số tiền 120.000đ của bị cáo Lò Văn B để sung ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị hại bà Lò Thị X, anh T1, anh Hoàng Văn P, anh Lò Văn L.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo Lò Văn B.

** Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội: “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.*

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn áp phí. Đề nghị HĐXX xem xét, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo B nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa, bị cáo không có tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, Lò Văn B nhận phạm tội “Cướp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:* Bị cáo, bị hại và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai thể hiện rõ quan điểm của mình nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn B công nhận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/3/2019 tại khu vực cửa hàng tạp hóa nhà ông Lò Văn L, trú tại Bản P, xã X, huyện M, Lò Văn B đã sử dụng dao nhọn đe dọa nhằm uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt số tiền 453.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động giá trị 50.000 đồng của bà Lò Thị X. Trước đó B còn chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu ITEL A32F giá trị 350.000 đồng của anh Quảng Văn T1. Tổng giá trị tài sản bị cáo B chiếm đoạt là 853.000 đồng, mục đích chiếm đoạt tiền, tài sản để mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân.

[3]. *Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội* của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4]. *Về tình tiết định khung hình phạt:* Bị cáo Lò Văn B đã có hành vi dùng tay giựt chiếc ví của bà Lò Thị X, khi bà X hô nên ví của tao có tiền đầy thì B đã nảy sinh ý chiếm đoạt và dơ dao lên đe dọa, uy hiếp chiếm đoạt của bà X 01 chiếc ví vải, 01 chiếc điện thoại viettiel và số tiền là 453.000đ. Trước đó B còn chiếm đoạt của anh Lò Văn T1 01 điện thoại. Hành vi của bị cáo Lò Văn B đã phạm tội “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 điều 168 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù.

[5]. *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:* Bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên được bố mẹ nuôi cho ăn học hết lớp 9/12 thì ở nhà lao động sản xuất. Từ năm 2010 đến năm 2013 chung sống như vợ chồng với chị Quảng Thị Duẩn,

sinh năm 1993 tại bản Tán, xã Mường É, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La và có 01 người con sinh năm 2013. Ngày 27/12/2012 bị UBND tỉnh Điện Biên đưa vào TGD CSGD 24 tháng. Đến 11/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng. Đến ngày 27/4/2018 chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc (chưa được xóa án tích). Bị cáo là một người chồng, người cha trụ cột trong gia đình nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Bản thân bị cáo là người nghiện chất ma túy, bị cáo đã bị đưa Cơ sở giáo dục bắt buộc nhiều lần mà vẫn không cai được nghiện đến khi phạm tội vẫn chưa được xóa án tích bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà lao vào con đường phạm tội vì vậy bị cáo nhân thân không tốt. Bởi vậy Hội đồng xét xử cần đưa ra mức án thật nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo và gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại cho bà Lò Thị X số tiền đã chiếm đoạt. Anh T1 đã nhận lại được chiếc điện thoại, bà X anh T1 có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS

Bị cáo khi chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T1 từ tay cháu N (sinh ngày 30/9 /2013) khi đó cháu còn nhỏ không có khả năng quản lý tài sản. Sau khoảng 30 phút bị cáo chiếm đoạt được chiếc điện thoại của anh T1, anh T1 có đến yêu cầu bị cáo trả lại chiếc điện thoại nhưng bị cáo không trả mà yêu cầu đưa cho bị cáo 50.000đ. Hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bị cáo đã dùng dao đe dọa để chiếm đoạt tiền và tài sản của bà X. Do vậy bị cáo có tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Theo khoản 6 Điều 168 của BLHS quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đến một trăm triệu đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo bố mất sớm, gia đình thuộc hộ nghèo, không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà X đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại bà đã cho bị cáo, chiếc ví đã không còn giá trị sử dụng bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, bà không đề nghị gì nên nên HĐXX không xem xét.

Anh T1 đã nhận được chiếc điện thoại và không có đề nghị gì khác; anh P, ông L không yêu cầu bị cáo bồi thường nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7]. Về vật chứng: Hội đồng xét xử thấy rằng: 01 chiếc ví vải màu đen có hai ngăn, có khóa, đã cũ qua sử dụng (của bà X) không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để hủy.

Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan điều tra và bà X, anh T1.

Số tiền 120.000 đồng anh Hoàng Văn P, trú tại Bản C1, xã C, huyện T đã mua chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu Ite1 A32F mà B bán,

anh không yêu cầu bị cáo B bồi thường nhưng xét thấy số tiền này do B thu lợi bất chính mà có cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo khai anh Lò Văn K, trú tại Bản N, xã N, huyện Đ được bị cáo bán cho chiếc điện thoại (của bà X) thu được 50.000 đồng nhưng cơ quan điều tra xác minh anh K không có mặt ở địa phương nên không xác định được bị cáo có được số tiền này hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con dao 01 con dao nhọn, loại dao gọt hoa quả, mà B đã lấy ở trong quán nhà ông Lò Văn L để thực hiện hành vi phạm tội sau đó vứt xuống suối đến nay chưa truy tìm được, ông L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lò Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nhưng bị cáo sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9]. Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát xét thấy phù hợp nên hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa người bào chữa cung cấp tài liệu là: Quyết định xuất ngũ của ông Lò Văn Tiến (Bố đẻ bị cáo); Giấy chứng nhận huân chương kháng chiến hạng 3 của ông Lò Văn L (ông ngoại bị cáo); Đơn xin miễn giảm của bà Lò Thị Biêng (mẹ đẻ bị cáo) Hội đồng xét xử xét thấy không phù hợp nên không chấp nhận.

[10]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11]. Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn B phạm tội: “Cướp tài sản”.

Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 168; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lò Văn B 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 3 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện, thỏa thuận bồi thường của bị cáo B và bà Lò Thị X, anh Quảng Văn T1, anh P, ông L.

3. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS:

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng) của Lò Văn B.

- Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan điều tra và bà X, anh T1.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ví vải màu đen có hai ngăn, có khóa, đã cũ qua sử dụng (*Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2019*).

4. **Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn B.

5. **Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Bị cáo, bà X, anh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P, anh K, anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- Bị cáo; Dương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân